

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 05&06/7/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
1	Lê Thị Hòa	Nữ	23/3/1986	Nghệ An	Kinh	040186037438	5.3	5.5	1642/QĐ325/2026	TH016533	
2	Nguyễn Thị Liên	Nữ	26/7/1987	Nghệ An	Kinh	040187005533	6.3	6.0	1643/QĐ325/2026	TH016534	
3	Vi Thị Năm	Nữ	05/5/1990	Nghệ An	Thái	040190022646	5.7	6.5	1644/QĐ325/2026	TH016535	
4	Lương Thị Nhã	Nữ	27/9/1990	Nghệ An	Thái	040190020036	6.3	6.0	1645/QĐ325/2026	TH016536	
5	Mạc Thị Hồng Nhung	Nữ	26/10/1993	Nghệ An	Thái	040193037702	7.3	8.0	1646/QĐ325/2026	TH016537	
6	Phan Thị Quý	Nữ	05/6/1994	Nghệ An	Thái	040194004690	5.3	7.0	1647/QĐ325/2026	TH016538	
7	Lô Thị Linh Tâm	Nữ	22/01/2004	Nghệ An	Thái	040304016161	5.7	5.5	1648/QĐ325/2026	TH016539	
8	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	10/10/1988	Nghệ An	Thái	040188003879	5.0	7.0	1649/QĐ325/2026	TH016540	
9	Sầm Thị Thanh	Nữ	09/10/1992	Nghệ An	Thái	040192002186	6.7	7.5	1650/QĐ325/2026	TH016541	
10	Nguyễn Thị Thỏa	Nữ	12/9/1985	Nghệ An	Kinh	040185001129	6.7	6.5	1651/QĐ325/2026	TH016542	
11	Lương Thị Bích Thủy	Nữ	05/5/1989	Nghệ An	Thái	040189012282	6.0	6.5	1652/QĐ325/2026	TH016543	
12	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	10/9/2003	Nghệ An	Kinh	040303007680	7.3	8.5	1653/QĐ325/2026	TH016544	
13	Nguyễn Văn Đoán	Nam	21/8/1998	Nghệ An	Kinh	040098011331	5.7	6.5	1654/QĐ325/2026	TH016545	
14	Trần Văn Hoi	Nam	09/12/2001	Nghệ An	Kinh	040201017817	5.3	6.5	1655/QĐ325/2026	TH016546	
15	Nguyễn Lê Thanh Huyền	Nữ	04/9/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304012298	5.0	7.5	1656/QĐ325/2026	TH016547	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
16	Trịnh Thị Liên	Nữ	05/7/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304006837	5.7	7.0	1657/QĐ325/2026	TH016548	
17	Nguyễn Hải Đức Mạnh	Nam	02/01/2003	Nghệ An	Kinh	040203010702	5.3	7.0	1658/QĐ325/2026	TH016549	
18	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	27/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304024687	7.7	7.5	1659/QĐ325/2026	TH016550	
19	Dương Thị Thúy Nghi	Nữ	18/5/1977	Nghệ An	Kinh	040177002854	7.3	7.0	1660/QĐ325/2026	TH016551	
20	Hồ Thị Nữ	Nữ	03/6/1973	Nghệ An	Kinh	040173013378	5.0	5.0	1661/QĐ325/2026	TH016552	
21	Nguyễn Nhật Tân	Nam	24/7/2000	Nghệ An	Kinh	040200022777	7.7	7.5	1662/QĐ325/2026	TH016553	
22	Nguyễn Văn Thân	Nam	04/9/2004	Nghệ An	Kinh	040204003934	5.7	7.0	1663/QĐ325/2026	TH016554	
23	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	29/5/1991	Nghệ An	Kinh	040191023897	7.3	7.0	1664/QĐ325/2026	TH016555	
24	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	11/02/2002	Nghệ An	Kinh	040302021334	6.3	9.0	1665/QĐ325/2026	TH016556	
25	Vũ Huyền Trang	Nữ	21/7/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304007010	6.0	7.0	1666/QĐ325/2026	TH016557	
26	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	22/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304002942	5.7	7.0	1667/QĐ325/2026	TH016558	
27	Nguyễn Thị Tú	Nữ	16/01/1989	Nghệ An	Kinh	040189016318	5.7	6.5	1668/QĐ325/2026	TH016559	
28	Vi Văn Tùng	Nam	08/8/2004	Nghệ An	Thái	040204000888	6.7	9.0	1669/QĐ325/2026	TH016560	
29	Hoàng An Bình	Nam	08/4/2004	Nghệ An	Kinh	040204006648	5.3	6.5	1670/QĐ325/2026	TH016561	
30	Phan Thị Hoa	Nữ	16/8/1993	Nghệ An	Kinh	040193010052	7.0	8.5	1671/QĐ325/2026	TH016562	
31	Hồ Ngọc Hoàng	Nam	07/5/2002	Nghệ An	Kinh	040202015120	5.3	8.0	1672/QĐ325/2026	TH016563	
32	Nguyễn Thị Bích Hồng	Nữ	10/6/1992	Nghệ An	Kinh	040192014058	5.0	7.5	1673/QĐ325/2026	TH016564	
33	Trần Khánh Huyền	Nữ	03/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304002946	6.0	8.5	1674/QĐ325/2026	TH016565	
34	Trần Thị Ánh Huyền	Nữ	27/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304008409	6.7	8.5	1675/QĐ325/2026	TH016566	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
35	Nguyễn Thị Xuân Lan	Nữ	01/01/1995	Nghệ An	Kinh	040195015646	6.7	8.0	1676/QĐ325/2026	TH016567	
36	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	09/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304011847	6.3	7.5	1677/QĐ325/2026	TH016568	
37	Nguyễn Thị Linh	Nữ	26/5/2004	Nghệ An	Kinh	040304018613	7.7	6.0	1678/QĐ325/2026	TH016569	
38	Sầm Thị Nguyệt	Nữ	03/10/1998	Nghệ An	Thái	040198017938	5.0	7.5	1679/QĐ325/2026	TH016570	
39	Trương Thị Nhung	Nữ	26/5/2003	Nghệ An	Thổ	040303001364	5.3	7.5	1680/QĐ325/2026	TH016571	
40	Phan Thúy Thanh	Nữ	05/4/2003	Nghệ An	Kinh	040303016752	7.3	9.0	1681/QĐ325/2026	TH016572	
41	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	20/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304010674	7.7	9.0	1682/QĐ325/2026	TH016573	
42	Lê Thị Thủy	Nữ	02/10/1985	Hà Tĩnh	Kinh	042185004216	5.3	8.0	1683/QĐ325/2026	TH016574	
43	Hoàng Thị Ngọc Trâm	Nữ	08/10/2002	Nghệ An	Kinh	040302014113	6.7	8.5	1684/QĐ325/2026	TH016575	
44	Nguyễn Thu Trang	Nữ	07/10/2003	Thanh Hóa	Thái	038303012448	7.0	6.0	1685/QĐ325/2026	TH016576	
45	Võ Phạm Huyền Trang	Nữ	21/3/2002	Nghệ An	Kinh	040302009160	7.3	9.0	1686/QĐ325/2026	TH016577	
46	Nguyễn Thị Anh Tú	Nữ	05/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304000894	6.0	5.5	1687/QĐ325/2026	TH016578	

